

Truyện ngắn

XUÔI DÒNG HỒI TƯỢNG

ĐIỆP-MỸ-LINH

Không hiểu vì nhận biết được niềm lo âu hiện rõ trên nét mặt và trong mắt Huyền hay là vì thói quen nghề nghiệp, cô chuyên viên điện tuyến trấn an Huyền trong khi sửa lại thể nằm của nàng:

- Đừng lo. Bà cố nằm yên, đừng cử động. Bà chỉ nghe những âm thanh lạ, vậy thôi. Đây, hai vật dụng ngăn tiếng động, bà cho vào tai đi.

Dù nỗi lo sợ đang đè nặng trong lòng, Huyền cũng cố mỉm cười. Nhưng có lẽ nụ cười méo xệch của Huyền khiến cô nhận biết, cho nên, trước khi nhấn nút để đẩy nàng vào trong MRI Scanner (Magnetic Resonance Imaging), cô chuyên viên lại hỏi:

- Bà bình an chứ?

Huyền lại cố mỉm cười, gật đầu.

Nghe tiếng “kịch” và ánh sáng bị chắn lại phía dưới chân, Huyền biết cửa đã đóng và chỉ một mình nàng trong khoảng không gian nhỏ nhắn, mờ mờ ánh đèn vàng và vang vang tiếng động nhẹ. Thỉnh thoảng những tiếng “kịch” và “cắt” vang lên nhưng không đến độ phải làm cho Huyền khó chịu. Nhưng Huyền cảm thấy lo sợ. Huyền không biết nàng sợ kết quả do máy này tìm ra hay là nàng sợ cho sự nhỏ nhoi, đơn độc và bất lực của nàng trước những biến chuyển hiển nhiên của đời người. Ngày nào đứng trước Grand Canyon Huyền thấy nàng nhỏ nhoi, không bằng hạt cát long lanh trong những tầng địa chất đang chuyển màu theo chiều quay của ánh sáng mặt trời; giờ đây, trong lòng Hollow Magnet Cylinder, Huyền lại thấy nàng yếu đuối và nàng chỉ còn là một sinh vật đáng thương. Huyền tủi thân. Huyền muốn khóc.

Khi nào rơi vào trạng thái bất an Huyền cũng cố tập trung tư tưởng, cầu nguyện Phật Bà Quan-Thế-Âm, rồi cầu xin bà Dư, Mẹ của nàng, che chở cho nàng. Từ từ, theo sự tưởng tượng của Huyền, hình dáng Phật Bà hiện rõ trong tâm nàng. Rồi Huyền “thấy” bà Dư quanh quần dưới chân Phật Bà.

“Thấy” lại Mẹ, Huyền khóc. Huyền khóc không những vì nàng thương tiếc Mẹ mà nàng còn khóc vì một niềm ân hận dẫu kín trong nàng bấy lâu nay vừa chỗi dậy. Huyền ân hận không phải vì nàng không chu toàn, không lo lắng cho Mẹ lúc Bà còn tại thế mà Huyền ân hận vì những tháng năm cuối đời của bà Dư,

Huyền đã không cậ kê, trò chuyện, gặp gỡ Mẹ thường xuyên như ý nàng muốn. Lý do Huyền tạo ra khoảng cách đó không phải vì không gian hoặc thời gian mà chỉ vì Huyền hãi sợ và không chấp nhận được sự thay đổi quá phủ phàng của luật vô thường!

Trong lòng Huyền, hình dáng của bà Dư lúc nào cũng tươi đẹp, mượt mà. Huyền vẫn nhớ, ngoài những chiếc áo dài trắng có may huy hiệu Trường Trung-Học Võ-Tánh, bà Dư thường đưa Huyền đến hiệu may để cô thợ may đo, cắt và may cho nàng và Mẹ những chiếc áo dài giống nhau. Đến những đôi dày cao gót để “diện” đi chơi bà Dư cũng mua cho Huyền y như của Bà. Mấy mươi năm trước, khi cho Huyền về làm con của bà Dư, “Mụ Bà” cũng “nắn” cho nàng khuôn mặt y hệt khuôn mặt của Mẹ – trừ đôi mắt. Mắt của Huyền buồn bao nhiêu thì mắt của bà Dư long lanh, rực sáng bấy nhiêu. Tuy có chút khác biệt ở đôi mắt nhưng nhiều người vẫn nhầm bà Dư và Huyền là hai chị em, vì bà Dư sinh Huyền khi Bà còn rất trẻ. Từ nhỏ, nghe bảo được giống Mẹ, Huyền rất vui thích và hãnh diện; vì Huyền thường nghe nhiều người trầm trồ là bà Dư đẹp, dù lúc đó Huyền chẳng hiểu rõ tính từ này.

Bà Dư đẹp, tính tình nhu mì, hiền thực và là dâu út nên Bà Nội của Huyền cưng bà Dư lắm; nhưng Huyền không hiểu tại sao các cô và mấy bà bác dâu đều không ưa bà Dư. Bà Nội của Huyền tu tại gia. Người cô thứ Hai của Huyền cai quản ngôi nhà từ đường, dãy nhà trước Nhà Đền, cạnh rạp xi-nê Tân-Quang, và khu phố lâu bên trái chợ Đầm.

Những hôm Bà Nội vào chùa, cô Hai cho mấy người giúp việc về quê nghỉ vài ngày rồi cô sai bảo bà Dư làm tất cả công việc mà mỗi ngày ba người giúp việc thường làm, rồi cô lại bắt bà Dư phải lau chùi bàn thờ. Lư hương bằng đồng, nặng lắm, bà Dư bung xuống không được, vậy là cô Hai có cơ hội chửi rửa Bà. Đợi cho cô Hai chửi “đã đời” rồi bà Dư lén nhờ chú tài xế của cô Hai bung lư hương xuống giùm. Sau khi bà Dư dùng tro lau chùi lư hương sạch bóng, chú tài lại bung để lên bàn thờ. Bà Dư làm gì Huyền cũng đi theo “như cái đuôi”, cụm từ này cô Hai dùng cho Huyền.

Huyền không biết và không nhớ bà Dư nấu nướng như thế nào, nhưng Huyền lại nhớ những lời dạy nghiêm của cô Hai: *“Đàn bà gì chiên miếng cá thu mà cũng không nên thân, để bể ra như vậy ai thèm ăn? Thứ dân trên núi không biết ăn cá hèn gì không biết chiên.”* Bà Dư lặng lẽ khóc. Huyền tựa người vào bà Dư. Bà Dư, một tay ôm Huyền, một tay làm việc. Huyền ngược nhìn cô Hai, người thường cưng chiều bé, và thầm nghĩ: Ở nhà Ngoại có bao giờ Mẹ nấu nướng gì đâu. Ngay như chăm sóc cho Huyền mà Ngoại cũng muốn riêng một bà vú thì làm sao Mẹ biết chiên cá. Như đọc được ý tưởng của Huyền qua ánh mắt, cô Hai nạt: *“Huyền, đi lên nhà trên chơi, để tao dạy má mày làm dâu.”* Bà Dư sụi sụi, nói lỏng vòng tay: *“Con lên nhà trên chơi đi. Mai Má đón xe lửa, Mẹ con mình về Ngoại.”* Cô Hai, một tay chống vào mạn sườn, một tay xia xói bà Dư: *“Mày đi đâu mày đi, không được dẫn con Huyền theo. Nó là cháu nội nhà này, mang họ nhà này. Mày mà dẫn nó ra khỏi nhà này là có mật thám theo liền, mày biết*

không?” Như vạn vạn lần trước, bà Dư chỉ im lặng, khóc. Lúc đó Huyền không hiểu được mật thám là gì, nhưng Huyền lại liên tưởng đến phong thái quan liêu, nghiêm nghị của dưỡng Hai trong những bộ vét-tông rất đẹp, mũ “phớt” đội hơi nghiêng. Huyền chỉ thấy được dưỡng Hai bốn lần một ngày. Đó là buổi sáng từ nhà dưỡng đi ra xe hơi, chú tài xế đợi sẵn; trưa, chú tài đưa dưỡng về ăn cơm rồi dưỡng nghỉ trưa; xế, chú tài lại đưa dưỡng đi; chiều, rước dưỡng về. Ngoài những lần đó dưỡng chỉ ở trong phòng, đọc sách. Không ai, kể cả Huyền, được phép đến gần dưỡng, nếu dưỡng không gọi. Chỉ có ông Dư - Ba của Huyền - cô Hai và đôi khi các bác trai ghé nhà, mới được ăn cơm cùng bàn với dưỡng Hai.

Vì sống quá cách biệt cho nên, Huyền nghĩ, dưỡng Hai không hề biết cô Hai hà khắc với bà Dư như thế nào.

Huyền không nhớ bà Dư bị cô Hai hiếp đáp bao nhiêu lần nhưng Huyền lại nhớ những món ăn ở nhà hàng mà ông Dư thường chờ cô Hai đi chơi tứ sắc mới dám đưa Mẹ con nàng đi ăn. Huyền đủ khôn để hiểu rằng ông Dư cũng sợ cô Hai cho nên Huyền hiểu tại sao bà Dư không dám mách lại ông Dư những điều bất công mà cô Hai đã dành cho Bà. Riêng Huyền, Trời ban cho tính thẳng thắn cho nên nàng thủ thủ với ông Dư những gì nàng thấy, những gì nàng nghe. Những lúc đó ông Dư chỉ vuốt tóc Huyền và xoa nhẹ bờ vai của bà Dư: *“Kệ, em. Chị Hai già rồi. Hơn nữa anh chị Hai nuôi anh ăn học, anh biết làm sao!”* Bà Dư rung rung nước mắt: *“Rằng anh không trở về Dalat?”* Ông Dư thở dài: *“Thú thật với em, một mình anh sống trong đôn điền trà của Ba em anh cô đơn lắm, anh chịu không nổi.”* Bà Dư lại sụt sùi: *“Anh về lại trên nó đi. Em sẽ xin Ba Mẹ cho em theo anh ra đồn điền.”* Ông Dư lắc đầu: *“Trước kia mình đã xin mấy lần mà Ba Mẹ cứ ngại người giúp việc sẽ không chăm sóc em và bé Huyền theo như ý của Ba Mẹ. Em nhớ không?”* Bà Dư lau nước mắt: *“Rứa thôi anh để em đem con về trên nó chứ ở đây, em không biết nấu nướng, không làm được việc nhà, bị chị Hai mắng nhiet hoài em chịu không được.”* Ông Dư vỗ về bà Dư: *“Anh biết. Thôi, em ăn đi, mình sẽ tính lại sau.”* Sau những lần đi ăn lén lút như vậy, bà Dư và Huyền phải vào nhà bằng ngõ sau - ngõ dành riêng cho người giúp việc đi chợ, đi gánh nước, đi kêu người hầu bài tứ sắc cho cô Hai, nếu cô Hai muốn xây sòng ở nhà.

Đôi khi sự lén lút trôi qua suôn sẻ. Nhưng cũng nhiều lần bị mấy người làm của mấy bác và mấy cô của Huyền bắt gặp rồi về mách lại để lập công. Những lần đó mấy bác trai sang rầy la ông Dư.

Thường thường các Bác và ông Dư dùng tiếng Việt để nói chuyện. Nhưng mỗi khi “cự nự” ông Dư các Bác đều “cự” bằng tiếng Tây và ông Dư cũng phân bua bằng tiếng Tây cho nên Huyền không hiểu. Các bác sùng sộ, đập bàn và nạt nộ ông Dư. Bà Dư, ngay từ khi thấy các Bác sang, đã sợ quá, vào trốn trong phòng. Huyền cũng sợ, nhưng thương Cha một mình bị ăn hiếp nên Huyền cứ cầm tay ông Dư và nép sát vào người Ông.

Những lúc đó Huyền nhớ Ngoại đến chảy nước mắt. Ở nhà Ngoại không ai dám nạt nộ ông Dư, không ai dám la mắng bà Dư, không ai làm cho bà Dư và

Huyền phải sợ. Ở nhà Ngoại Huyền còn được đi xe hơi; còn ở đây xe hơi chỉ để đưa đón cô dựng Hai, mấy bác trai và ông Dur. Mấy bác gái và các cô phải đi xe kéo. Riêng bà Dur và Huyền, chỉ khi nào Ngoại gửi mandat (danh từ này ngày đó Huyền nghe bà Dur nói hoài mà Huyền không hiểu) cho hoặc là ông Dur lên cô Hai cho bà Dur tiền thì bà Dur và Huyền mới được đi xe kéo. Nhiều khi bà Dur bảo đừng đi xe kéo, tội nghiệp ông phu kéo xe. Huyền không hiểu thật sự bà Dur thương hại mấy ông phu kéo xe hay là Bà muốn hà tiện, để giành tiền lên cô Hai mua mía ghim, mua bông cỏ xi-rô đá bào hoặc mua bánh căn cho Huyền ăn.

Khi nào lên cho Huyền ăn quà vặt bà Dur cũng thút thít: *“Ở trên Ngoại Mẹ con mình mô có cực như ri. Mẹ nhớ Ngoại dễ sợ. Con nhớ Ngoại không?”* Đang ăn ngon lành, nghe nhắc đến Ngoại, tự dưng Huyền thấy buồn quá nên gật gật đầu, rơm rớm nước mắt, hết muốn ăn. Thường thường bà Dur dỗ dành cho Huyền ăn hết phần quà; nhưng một hôm, đang thủ thỉ với Huyền, bà Dur chợt bùm miệng, xoay sang hướng khác để...ói, nhưng không ói được. Rồi bà Dur khóc, nói một mình: *“Ói chao! Điều ni chắc chết!”* Huyền không hiểu được thái độ và lời than của bà Dur cũng như Huyền không thể nào hiểu được những lời day nghiến của cô Hai dành cho bà Dur mỗi khi cô thấy bà Dur ói: *“Mặt thì con nít mà cái...đít bà già, để sòng sọc như heo. Thứ đó ở trong nhà tao chi cho xui xẻo.”* Huyền hiểu chữ “xui xẻo”. Nhưng Huyền không biết ai bị xui xẻo chứ riêng bà Dur và Huyền thì may mắn vô cùng, vì được ông Dur đưa về Ngoại.

Sau một thời gian, bà Dur sinh em trai, đặt tên Phiêu. Huyền bắt đầu đi học trường tiểu học Domaine De Marie. Mỗi cuối tuần Ngoại bảo tài xế đưa bà Dur, Huyền, Phiêu và bà vú vào đồn điền trà thăm ông Dur.

Những lần ở đồn điền trà Huyền thích, mỗi sáng, đứng trên thềm nhà cao, nhìn về hướng mặt trời để thấy ánh nắng mai lóng lánh trên những đồi trà còn đọng hơi sương. Sau khi sương tan, Huyền chỉ thấy quanh nang một màu xanh ngút ngàn, kéo dài mãi đến cuối tầm mắt thơ dại của Huyền. Mỗi chiều Huyền thường lên ông bà Dur, ra nhà chứa trà tươi rồi leo lên tầng ba để nhìn ánh mặt trời đỏ rực khuất dần cuối trời xa. Những lúc đó dường như màu xanh của những đồi trà trở nên sậm lại. Và những lúc đó Huyền thấy từng nhóm “cu-ly” (danh từ ngày đó thường dùng) phần đông là người thượng, sau lưng mang gùi, lũ lượt kéo nhau về nhà chứa trà tươi để cân trà, để ông cai chăm công.

Khi nào thấy Huyền trốn trên tầng ba để được nhìn mặt trời lặn, ông cai cũng hù dọa: *“Xuống. Xuống. Con gái chi mà hoang dễ sợ. Nhà ni làm bằng cây, mái tôn, có chắc chắn chi mô mà cứ leo lên trên nó hoài rứa? Xuống không thôi tui mách ông Đốc, bị đòn chết chừ.”* Mấy lần đầu Huyền không biết “mách ông Đốc” là mách ai. Sau, Huyền thấy ai gặp ông Dur họ cũng đều ngã nón hoặc mũ rồi cúi đầu *“Dạ, chào ông Đốc”* thì Huyền hiểu, mà Huyền không hiểu, vì Đốc không phải là tên của ông Dur.

Niềm vui êm đềm của Huyền và niềm hạnh phúc của gia đình Huyền kéo dài được một thời gian dài. Rồi một cuối tuần nọ, Huyền thấy ông Dur có một người

bạn mà Ông gọi bằng Alain và bắt Huyền gọi bằng ông Duboir. Huyền nghe ông Dur nói với bà Dur, ông Duboir là con ông bà chủ đồn điền trà gần đây mà ông Dur tình cờ quen được trong một lần ông Dur đem một chú chó *berger* đi bác sĩ thú y tại Blao. (Sau này Blao được đổi tên thành Bảo-Lộc.) Ông Duboir đang theo học về ngành nhân chủng học, tại đại học Sorbone. Mỗi mùa Hè ông Duboir sang đây thăm gia đình và cũng để nghiên cứu về các sắc dân Á-Châu.

Liên tiếp mấy mùa Hè, Huyền thấy ông Duboir và ông Dur thường hòa đàn với nhau. Ông Dur chỉ có Mandoline và Violon. Ông Duboir có Tây-Ban-Cầm, Clarinette và Hạ-Uy-Cầm. Huyền thấy ông Duboir dạy ông Dur đàn Tây-Ban-Cầm, Hạ-Uy-Cầm và Clarinette. Trong khi Huyền chỉ biết được những bài hát nhi đồng, do học lóm từ con của các bác các cô, như: “*Ông Tây đen nằm trong cái bồ, đánh cái trống thành bánh ga-tô. Ông Tây đen nằm trong cái bồ, đánh cái trống thành ra bánh dày.*” hoặc: “*Kìa đàn vịt ngoi dưới ao hồ. Thằng bồm xồm vác que đuổi đánh. A, a, a, nó kêu quác quác, quác quác, chạy xơ xác, tan hàng*” thì ông Dur và ông Duboir hòa những bản nhạc lạ lắm, Huyền chưa hề được nghe. Khi hai ông hòa đàn Huyền thường ngồi xếp bằng trên nền gạch hoa, lắng nghe một cách thích thú, dù Phiêu lúc nào cũng phá rầy Huyền.

Thỉnh thoảng ông Dur chở Huyền sang đồn điền của gia đình ông Duboir. Huyền không hiểu tại sao ông Dur cũng bắt Huyền gọi Cha Mẹ của ông Duboir bằng ông bà Duboir. Nhà ông Duboir có một piano lớn lắm; sau này Huyền mới biết đó là piano à queue. Đôi khi Mẹ của ông Duboir cũng hòa đàn với ông Duboir và ông Dur, trong khi Ba của ông Duboir ngâm xì-gà, nằm nơi ghế bành, lắng nghe. Nhiều khi Huyền thấy Mẹ của ông Duboir dạy ông Dur đàn piano.

Khi ông Dur cho Cha Mẹ ông Duboir hay rằng Huyền học trường Sơ, Ông Bà Duboir hỏi Huyền biết hát bản Alouette không? Ông Dur dịch cho Huyền nghe. Huyền trả lời “*Dạ biết.*” Ông Bà Duboir bảo Huyền hát cho Ông Bà nghe. Huyền hát. Bà đệm piano. Ba của ông Dubour thích chí, hát theo. Khi hát chung với các bạn đồng lứa ở trường Huyền không nhận ra giọng của Huyền. Nhưng khi Ba của ông Duboir hát theo, Huyền nghe giọng Ông ồ ồ, giọng Huyền nhão nhệch nên mọi người được dịp cười... bẽ bụng.

Huyền thích gia đình ông Duboir từ đó cho nên xin Ngoại cho Mẹ và chị em của Huyền ở chơi lâu hơn vào mỗi mùa Hè.

Huyền không nhớ vào thời điểm nào thì bà Dur và Huyền mới biết, ngoài ông Duboir, ông Dur còn có thêm mấy người bạn Việt Nam. Chỉ lạ một điều là mấy ông bạn người Việt này chỉ đến thăm ông Dur vào lúc khuya, ở nhà sau - nơi để bàn “ping-pong” cho ông Dur, ông Duboir và nhân viên văn phòng chơi - sau khi bà Dur, Phiêu, Huyền, mấy người giúp việc và tài xế đi ngủ.

Sở dĩ Huyền biết được điều này là vì Huyền không thích ngủ một mình, cho nên, thỉnh thoảng Huyền ôm gối chạy sang phòng ông bà Dur. Nhiều lần không thấy ông Dur mà Huyền lại thấy ánh đèn từ nhà sau. Huyền hỏi. Bà Dur bảo ông

Dur đang tiếp khách, im, ngủ đi. Huyền ngủ. Rồi một hôm Huyền giật mình thức giấc vì tiếng của ông Dur nói rất nhỏ: “*Người ta kết nạp mình không tham gia thì thôi, chuyện gì mà sợ?*” Bà Dur bảo: “*Răng anh không dứt khoát, biểu họ đừng lui tới với anh nữa để mình khỏi phiền hà về sau?*” Ông Dur thở dài: “*Không dễ như em nghĩ đâu. Mình phải khéo léo, từ từ, nếu không họ cho mình vào bẫy là chết!*” Không thể nào Huyền hiểu được câu chuyện. Nhưng Huyền hiểu phần nào câu cuối của ông Dur và Huyền không hiểu được tại sao Huyền lại liên tưởng đến những người “*bạn khuya*” của ông Dur. Huyền cảm thấy không thích họ.

Huyền nhớ, đêm đó mưa lớn và gió nhiều, Huyền không dám ngủ một mình, lại chạy qua phòng ông bà Dur. Phiêu ngủ nơi phòng khác với bà vú. Dường như ông bà Dur đang bàn về một vấn đề rất hệ trọng cho nên ông Dur bảo: “*Con về phòng con mà ngủ. Ba Má đang nói chuyện.*” Huyền tiu nghỉu, đứng sừng nơi cửa phòng. Bà Dur can thiệp: “*Vớ đây, con. Anh ni kỳ. Trời mưa, sấm sét, con hấn sợ mà anh không cho con ngủ với mình.*” Ông Dur xoa tóc Huyền: “*Thì anh ngại con nó nghe, rùi nó đại miệng thì phiền.*” Bà Dur kéo Huyền vào lòng: “*Con hấn còn con nít, biết chi mô. Anh nói chi nói nhỏ nhỏ, để con hấn ngủ.*” Huyền không ngủ được, không hiểu vì mưa gió sấm sét hay là vì tính tò mò. Trong câu chuyện giữa ông bà Dur, Huyền chỉ nghe tiếng được tiếng mất. Khuya lắm, mưa dứt. Huyền nghe được giọng ông Dur: “*Nó chỉ là một thằng Tây con, còn đi học chứ nó có hại ai đâu mà kết tội nó là thực dân.*” Lại tiếng râm rì. Ông Dur lại bảo: “*Anh trả lời với họ là anh không thể dàn cảnh như vậy được. Nó đến và đi khi nào thuận tiện cho nó chứ anh đâu có phương tiện liên lạc với nó.*” Ngưng một chốc, ông Dur tiếp: “*Dù có phương tiện đi nữa anh cũng không thể làm chuyện ác đức, tà trời như vậy được!*” Lại tiếng râm rì. ông Dur thở dài: “*Họ cho anh một tuần, buộc anh phải thực hiện thành công đúng theo kế hoạch họ đã đề ra.*” Bà Dur hỏi: “*Nếu không?*” Ông Dur bảo: “*Anh không tiên liệu được điều gì sẽ xảy ra.*” Ông Dur im lặng, thở dài.

Sáng sớm hôm sau, ông Dur mặc áo mưa của chú tài xế xe nhà, đi thẳng đến nhà chứa trà tươi, ngồi chung với những bao trà tươi, để đi Blao.

Huyền rất ngạc nhiên. Đây là chuyến xe vận tải (chị em Huyền đặt tên xe này là xe mập) thường ngày chở trà tươi ra Blao giao cho nhà máy sấy trà, rồi nhận trà khô của những chuyến trước, chở về. Thường thường, nếu ông Dur chỉ đi kiểm soát quanh những đồi trà, hoặc nhà chứa trà tươi, trà khô, hoặc khu chung cư của nhân viên, ông Dur tự lái chiếc Land Rover, đi cùng với ba chú bergers. Nếu phải đi ra khỏi đồn điền, lúc nào ông Dur cũng bảo tài xế xe nhà đưa đi. Tại sao sáng đó ông Dur không bảo chú tài xế xe nhà đưa đi? Tại sao ông Dur không mặc áo mưa của Ông mà lại mặc áo mưa của chú tài? Tại sao ông Dur không ngồi cạnh chú tài “*xe mập*” mà lại ngồi lẫn vào những bao trà phía sau thùng xe? Không thể nào Huyền tìm ra giải đáp cho những thắc mắc này; cũng như không thể nào Huyền hiểu được tại sao, kể từ hôm đó, ông Duboir không đến chơi với ông Dur nữa và ông Dur cũng không đưa Huyền sang chơi với gia đình ông Duboir nữa.

Huyền thấy bà Dư có vẻ lo lắng, bồn chồn trong khi ông Dư vẫn cứ đàn một mình, chơi bóng rổ hoặc chơi bóng bàn với nhân viên văn phòng. Thấy thái độ vô tư của ông Dư, bà Dư cần nhắc. Ông Dư bảo: *“Sống là để đối phó hoặc trực diện với hiện tại chứ sống không phải để lo âu cho những gì chưa đến.”* Lúc đó Huyền không hiểu ông Dư nói gì. Sau này ông Dư thường lặp lại câu ấy để dạy Huyền cho nên Huyền mới nhớ. Khi nào bị bà Dư cần nhắc nhiều quá, ông Dư lại bảo bà Dư đưa hai con về Dalat. Bà Dư không chịu: *“Em không bỏ anh một mình ở đây được. Hay là anh cùng về Dalat rồi Ba Mạ em thuê người khác thay anh một thời gian?”* Ông Dư khước từ: *“Anh là người có trách nhiệm. Hơn nữa, anh ở đâu họ cũng tìm ra, nếu họ muốn.”*

Chỉ sau vài ngày, chuyện “bí mật” giữa ông bà Dư và “họ” bị Huyền quên mất. Sự vắng mặt của ông Duboir cũng chẳng làm Huyền bận tâm; vì Huyền có niềm vui mới. Huyền được ông Dư cho đi theo trong tất cả những lần Ông lái Land Rover đi vòng vòng mấy đồi trà. Đôi khi ông Dư còn lái luôn vào một “buôn” người Thượng và giải thích cho Huyền đời sống của người Thượng. Nhờ những lần vào “buôn” Thượng Huyền mới thấy được vài loài thú như bò, trâu, heo và voi. Huyền không mấy thích thú khi nhìn những đứa bé đen đúa, hom hem, trạc tuổi Huyền mà phải đi chân đất, không có - hay là không mặc - áo quần như người Việt. Huyền chỉ thích nhìn màu xanh của những vườn trà và của cây rừng đồi màu theo độ sâu hoặc chiều cao của những ngọn đồi. Huyền cũng thích tiếng róc rách của con suối nhỏ chia cách đồn điền trà của Ngoại và đồn điền của gia đình ông Duboir.

Trong những lần đi theo ông Dư, Huyền luôn luôn hỏi Ông những câu chẳng đâu vào đâu. Ông Dư chỉ cười, xoa đầu con: *“Cha mà! Lớn lên con sẽ biết.”* Khi ăn cơm ông Dư thường kể lại cho bà Dư nghe những câu hỏi của Huyền rồi kết luận: *“Con nhỏ tò mò và giàu óc tưởng tượng lắm đó, em.”*

Trong tất cả những điều mà khối óc non nớt của Huyền thường tưởng tượng Huyền nghĩ không bao giờ có hình ảnh những khuôn mặt hung tợn của mấy ông Tây mang súng, xông vào nhà trong khi ông Dư uống chưa xong ly cà-phê sữa buổi sáng.

Ông Dư vừa đứng lên, chưa kịp chào hỏi thì một ông Việt-Nam từ đâu chạy vào, bảo: *“Anh không được trực tiếp nói chuyện với mấy ông Tây này. Anh phải nói qua tôi, tôi dịch lại.”* Lúc này nhân viên bên văn phòng chạy sang, đứng xa xa dưới mấy bậc cấp, nhìn vào. Huyền bước đến cạnh ông Dư nhưng bị ông Việt-Nam hét, đuổi đi. Bà Dư và Phiêu khóc lớn nên Huyền không nghe được những gì ông Dư và ông Việt-Nam nói qua hỏi lại. Một lúc sau, ông Dư ngồi nơi ghé với một ông Tây ôm súng canh chừng; còn tất cả kéo nhau lục tung mọi thứ trong nhà trên, các phòng ngủ, nhà sau, nhà bếp và nhà xe. Huyền không khóc nhưng sao nước mắt cứ ứa ra, đưa tay quẹt hoài không hết. Huyền đi theo họ xem họ tìm cái gì.

Họ sang văn phòng của ông Dur, cũng lục tung mọi thứ. Họ trở lại nhà, dẫn ông Dur sang kho trà khô. Trà này đã vào bao từ ngoài Blao, sẵn sàng chuyển đến các đại lý. Họ dùng lưới lê đâm thủng, gần như đâm nát từng bao trà. Không tìm ra được những gì họ muốn, họ dẫn ông Dur đến nhà chứa trà tươi. Nơi đây, trà tươi được rải mỏng trên mỗi tầng nhà để phơi cho heo héo một tý rồi mới cho vào bao, đem ra nhà sấy trà ngoài Blao. Họ cũng đào xới đủ mọi ngõ ngách. Huyền lại muốn đến cạnh ông Dur nhưng mấy ông Tây ôm súng không cho. Huyền ngẩng nhìn những đôi giày đinh bước rầm rập trên chiếc thang gỗ mong manh mà Huyền thường leo lên tầng ba để bị ông cai hù dọa, đòi “mách ông Đốc”. Một lúc sau, họ leo xuống với thái độ và giọng nói đầy hằn học. Huyền nghe tiếng xầm xì của mấy bác mấy chú nhân viên văn phòng: “*Tụi nó tìm ra rồi.*” Huyền không hiểu “tụi nó” tìm ra cái gì nhưng Huyền linh cảm được điều bất an.

Trong khi mọi người chộn rộn, Huyền khom người, luồn lách qua mấy ông Tây cầm súng để đến cạnh ông Dur. Ông Dur giật mình khi thấy Huyền. Ông Dur ôm Huyền. Huyền ngẩng nhìn ông Dur và thấy những bấp thịch trên mặt ông Dur giật liên hồi. Ông Dur nói nhỏ và nhanh: “*Con nói Má qua gặp ông Duboir...*” Ông Dur nói chưa hết câu và Huyền chưa kịp “ạ” thì một bàn tay xồm xoàm kéo Huyền ra khỏi tay ông Dur và đôi tay xồm xoàm khác kéo hai tay ông Dur ra phía sau, móc cái còng vào, bấm chặt.

Họ dẫn ông Dur đến chiếc xe bít bùng, đẩy Ông vào. Bà Dur và Huyền chạy theo. Họ đẩy bà Dur và Huyền ra. Bà Dur vật vã, lăn lộn trên nền đất đỏ. Huyền đứng trơ, nhìn chiếc xe chạy đi, theo sau là chiếc xe nhà binh chở mấy ông Tây và ông Việt-Nam hách dịch.

Hai chiếc xe đã khuất nơi cuối con dốc nhỏ nhưng nhóm nhân viên văn phòng, tài xế và người giúp việc cùng tất cả “cu-ly” đều sợ liên lụy, không ai dám đến gần bà Dur và Huyền. Bà Dur, đầu tóc rũ rượi, ngồi khóc tỳ tề dưới góc vông già và Huyền đứng trơ nhìn con đường đất đỏ dẫn đến con dốc nhỏ.

Huyền biết, cuối con dốc nhỏ xe sẽ qua chiếc cầu gỗ, rồi xe sẽ lên dốc, chạy dọc theo vườn trà trên ngọn đồi đối diện với ngọn đồi mà gia đình Huyền đang rơi vào thảm trạng ngoài sức chịu đựng của bà Dur và ngoài sự hiểu biết của Huyền. Khoảng cách giữa hai ngọn đồi Huyền có thể thấy bằng mắt từ nơi mấy bậc cấp trước nhà, cho nên Huyền chạy vội về nhà, bỏ mặc bà Dur ngồi khóc một mình.

Huyền đứng lặng trong ánh nắng chan hòa. Thường ngày, đối với Huyền, con đường đất đỏ nơi ngọn đồi đối diện như giải lụa rực rỡ vắt ngang vùng không gian xanh ngát. Giờ phút này tất cả không còn nữa, chỉ có hai chiếc xe màu dưa cái đang “bò” chậm chậm, từ xa trông như hai con bọ hung mà Huyền rất sợ và ghê tởm mỗi khi thấy nó bò quanh gốc cây trà.

Huyền không nhớ bao lâu sau đó, bà Dur đến, ôm Huyền: “*Vô lấy đồ đi về Ngoại, con.*” Huyền gỡ tay Mẹ ra: “*Không. Con không về Ngoại. Con qua ông Duboir.*” Bà Dur ngạc nhiên, nhìn sững Huyền. Sau khi nghe Huyền lặp lại câu

chuyện, bà Dư quỳnh lên, không thèm thay đồ hoặc trang điểm, Bà bảo chú tài xe nhà đưa ba Mẹ con sang đón điền của gia đình ông Duboir.

Trên con đường đất đỏ quen thuộc mà trước đó vài tiếng đồng hồ ông Dư bị áp giải như một tên tù, Huyền nhìn lại và ghi nhận tất cả hình ảnh Huyền yêu thích; vì Huyền linh cảm rằng sẽ không bao giờ Huyền được trở lại đây - nơi đã giấu kín một khoảng đời thơ dại của Huyền cũng như đã giấu kín sự “bí mật” mà mấy ông Tây đã tìm ra để kết tội ông Dư.

Vài hôm sau đích thân ông Duboir chở ông Dư về nhà Ngoại. Mọi người trong gia đình đều túa ra, mừng rỡ, kể cả mấy chú bergers. Tiếng sủa vang rân của mấy chú bergers không át được tiếng ho khan của ông Dư. Ông Dư đi không nổi. Ông Duboir và cậu của Huyền phải kè hai bên, dìu ông Dư vào nhà.

Vừa ngồi vào xa-lông, ông Dư ho mạnh một cái và một búng máu phun ra. Bà Dư nhào đến bên ông Dư trong khi ông Ngoại hét to, bảo chú tài lái xe đi mời bác sĩ. Ông Dư thều thào: *“Anh bị tui nó đánh như xương. Nếu Alain vào trễ một ngày nữa thì chắc anh chết rồi!”*

Ngay đêm đó Ngoại đem mấy va-ly ra xe, bảo chú tài chở đi đâu Huyền không biết. Ông bà Dư bị “nhốt” trên lầu, ăn uống và mọi điều cần thiết đều do chính bà Ngoại đem lên. Huyền và Phiêu được gửi sang nhà Di Mười, trên đường Phan-Đình-Phùng, để đi học, dưới danh nghĩa con nuôi. Huyền và Phiêu cũng được nghiêm dặn rằng hai chị em đều mồ côi, không biết Cha Mẹ là ai và hiện sống ở đâu.

Thời gian này Phiêu và Huyền gia nhập Gia-Đình Phật-Tử; nhưng Huyền lại thân với nhỏ Áng-Vân, gia đình theo đạo Thiên Chúa. Gia đình Áng-Vân thuê một căn trong dãy nhà của di Mười. Mỗi đêm gia đình Áng-Vân đọc kinh, âm vang trầm bổng, nghe lạ và hay lắm. Huyền để ý, trong những lần cầu kinh, gia đình Áng-Vân thường đọc: *“Xin Chúa cho con hằng ngày dùng đủ.”* Huyền lấy làm lạ nhưng không dám hỏi người lớn, đành hỏi Áng-Vân: *“Nè, sao nhà mà kỳ vậy? Xin Chúa thì xin nhiều nhiều chứ chỉ xin dùng đủ thì xin làm chi cho mất công.”* Áng-Vân đáp: *“Tao biết đâu.”* Nhờ Áng-Vân mà Huyền vui, ít đòi lên về thăm Ngoại, ông bà Dư và các cậu, dì.

Đến một lúc nào đó, Huyền nghĩ, ông Dư chịu không được cảnh tù quần trên lầu cho nên lên đưa vợ con về lại Nhatrang.

Lúc này Huyền vừa lớn và đủ khôn để hiểu, theo những lời thuật lại của gia đình bên Nội, tất cả tài sản của Bà Nội và của các cô bác đều bị Pháp tịch biên, chỉ có ngôi tháp trên Núi Một, do dân quanh vùng này đúc, dựng lên và khắc tên Ông Nội của Huyền, sau khi Ông mãn phần, thì còn. Khi hay tin này, lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong đời, Huyền thấy ông Dư khóc! Huyền cũng nghe bà con xầm xì dựng Hai và bác Bảy của Huyền thoát ly ra chiến khu. Huyền không

hiều vì Dượng và Bác của Huyền đi chiến khu nên tài sản bên Nội của Huyền bị tịch thu hay là ngược lại.

Sau đó không lâu, bất ngờ gia đình Ngoại ghé nhà, cho ông bà Dư hay tất cả tài sản của Ngoại, kể cả đồn điền trà và lò bánh mì cạnh chợ Dalat, đều bị Pháp tịch thu vì họ kết tội Ngoại có liên hệ và đã che chở cũng như giúp phương tiện để một người hoạt động cho Việt-Minh đào thoát! Đêm đó mọi người trong nhà đều buồn, khóc; chỉ có ông Dư ngồi một mình dưới gốc dừa, lặng lẽ châm hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác.

Đêm đó nhìn dáng vẻ cô đơn, khắc khổ của ông Dư, Huyền thương Cha quá nhưng không biết cách nào để biểu lộ, vì Huyền đang ở vào thời kỳ “trở mã”, hay mắc cỡ.

Vài hôm sau, khi từ giã gia đình ông bà Dư để về Huế, Ngoại ôm Huyền, khóc, làm Huyền cũng khóc theo. Ngoại nói lớn cho ông bà Dư cùng nghe: *“Khi mô con có chồng, Ngoại vô, hỉ. Nì, nhớ tìm nhà mô không bắt hấn làm dâu thì mới gả, để tránh mấy ông chú mù o nhon mờ, nghe.”*

Mấy năm sau, khi người đại diện gia đình “chàng” đến xin phép ông bà Dư cho gia đình “chàng” đến “xem mắt” Huyền, bà Dư đưa điều kiện tiên quyết như Ngoại đã dặn. Gia đình “chàng” chấp thuận.

Huyền nhớ, sáng hôm đó, sau khi mọi người chào hỏi nhau và ngồi vào xa-lông, bà Dư - đã sắp đặt từ trước - gọi Huyền đem nước ra mời khách. Vì đã biết trước những người khách này là ai và cũng vì thấy “chàng” lấp ló nơi cửa sổ, Huyền run quá, không dám bước ra. Bà Dư tưởng có trở ngại gì nên vào thúc. Huyền run run, cúi mặt, bung khay nước đi sau lưng Mẹ. Bà Dư cố tình tránh sang một bên để “khách” dễ thấy Huyền.

Vừa thoáng thấy Huyền, giọng một người đàn bà làm cho khay nước trên tay Huyền trông thành thêm: *“Ui chao! Người ni coi bộ hiền quá, không... trị được thằng con của tôi mô!”* Huyền hoàn toàn mất bình tĩnh, không kịp chào ai cả, chỉ vội vàng đặt mấy tách trà xuống bàn rồi bước vội vào nhà sau, đi thẳng xuống bếp. Bà Dư bước theo. Huyền nhìn bà Dư như một kẻ phạm tội đang xin ân huệ. Bà Dư nghiêm giọng: *“Con nghe Mẹ cậu ấy nói gì không?”* Huyền im lặng. Không phải đến giờ phút này nghe người Mẹ chơn chất, thiết tha của “chàng” nói Huyền mới hiểu “chàng”. Huyền đã biết và đã nghe rất nhiều, nhưng trái tim, vì bị nhốt kín trong lồng ngực, nên không chịu nghe, không chịu thấy, không chịu biết sự thật mà chỉ nghe, tin và nhớ những lời “chàng” thề ước. Bà Dư tiếp: *“Mẹ nghĩ cậu ta phải...ghê lắm, phải...dễ sợ lắm nên chính mẹ ruột của cậu ta mà còn nói như rứa hướng chi ai.”* Huyền sụt sùi: *“Dạ, con biết.”* Bà Dư lại hỏi: *“Con biết như rứa, tại rằng con bằng lòng lấy cậu ta làm chồng?”* Huyền không trả lời được. Huyền chỉ khóc. Bà Dư ngại Huyền sẽ khóc nhiều hơn nên Bà dịu giọng: *“Chừ cũng chưa muộn để con thay đổi ý định. Con nghĩ lại đi.”* Huyền tựa vào tường để khỏi quy ngã. Vừa khi đó, ông Dư xuất hiện, vì thấy bà Dư và Huyền

vắng mặt hơi lâu nên sốt ruột. Nghe bà Dur nêu ra vấn đề, ông Dur cúi đầu, chíp miệng: *“Anh cũng nghĩ như em.”* Bà Dur than: *“Thiếu chi nơi, thiếu chi người, tại rằng con phải lấy một người mà con biết trước rằng người nó sẽ đem đau khổ và phiền não đến cho đời con?”* Huyền vẫn không trả lời câu hỏi của bà Dur được. Ông Dur nghiêm nghị nhìn Huyền: *“Huyền! Con lớn rồi. Ba cho con quyền chọn lựa. Con còn đủ thời gian và cơ hội để từ chối cuộc hôn nhân này.”* Huyền cảm thấy quặn thắt trong lòng, tuồng như tim nàng đang hăm dọa, nếu nàng không nhận lời cầu hôn của “chàng” thì tim nàng sẽ ngưng đập! Ông bà Dur nhìn Huyền, chờ đợi. Một lúc lâu lắm, Huyền thu hết can đảm: *“Dạ, thôi, Ba Mẹ cứ ... cho con đi.”* Ông Dur lại chíp miệng, lắc đầu. Bà Dur quyết liệt: *“Nếu con vẫn quyết định lấy cậu ấy thì sau này đừng bao giờ con than thở hay khóc với Ba Mẹ.”* Huyền im lặng.

Tối hôm đó là lần thứ hai và cũng là lần sau cùng trong đời, Huyền thấy ông Dur ngồi một mình dưới gốc dừa, lặng lẽ châm hết điếu thuốc này đến điếu thuốc khác. Huyền thương Cha quá nhưng Huyền không biết phải hành động như thế nào để cả hai người đàn ông nàng cùng thương đều được vui lòng.

Huyền đành mang trong lòng dằn vặt cô đơn, khắc khổ của ông Dur và lời đe dọa của bà Dur suốt đoạn đường tình duyên đầy giông bão của nàng! Nhờ thừa hưởng sự nhẫn nhục vô bờ và sự chịu đựng bền bỉ của bà Dur, và cũng vì lời hăm dọa của bà Dur, Huyền gánh chịu tất cả phủ phàng, gian trá mà “chàng” đã dành cho nàng chứ nàng không than van với bất cứ một người nào cả.

Vậy mà có một người hiểu được Huyền; người đó là Mẹ của “chàng” mà Huyền gọi bằng Mẹ.

Mẹ thường bảo Huyền: *“Kệ nó. Con cứ cơm mình, mình ăn, nhà mình, mình ở, con mình, mình nuôi. Một lúc hấn chán, hấn về.”* Huyền biết, như bao nhiêu lần trước, “hấn” sẽ về, nhưng về với những món nợ khổng lồ, về với sự thất bại ê chề! Khi nào con hoạn nạn qua đi “hấn” lại “đông” theo những người đàn bà khác! Đôi khi thấy Huyền mất tinh thần và xuống sắc quá Mẹ lại rầy: *“Con để xuống sắc quá, đàn ông hấn nản. Con nghe lời Mẹ, ăn uống, tắm rửa, giữ gìn tâm thân. Con cứ chăm sóc dạy dỗ các cháu, chăm sóc nhan sắc của con và sống vui, xem như không có hấn là hấn sợ.”* Huyền không biết “hấn” có sợ hay không chứ Huyền thì Huyền sợ quá; vì lúc nào “hấn” cũng bịa chuyện đổ lỗi cho Huyền để bào chữa tội lỗi của “hấn”. Huyền bị mặc cảm nặng nề. Huyền không muốn liên hệ hoặc tiếp xúc với ai cả. Huyền bị bệnh trầm cảm. Đến khi biết sức chịu đựng của Huyền đã cạn kiệt và tình trạng gia đình của nàng không thể nào hàn gắn được, Mẹ đã dạy nàng: *“Con hành xử với hấn như thế nào Mẹ cũng không trách con. Mẹ vẫn thương con. Mẹ chỉ có hai điều dặn con. Thứ nhất, trong mọi tình huống của cuộc đời, con phải phấn đấu để sống, đừng bao giờ đầu hàng nghịch cảnh. Thứ hai, đừng bao giờ bỏ con của con. Về sau, về già, con sẽ thấy, ai rồi cũng xa mình, chỉ có con nó mới hôm sớm với mình thôi.”* Suốt cuộc đời đầy cay đắng, khổ lụy của Huyền, nàng mang theo trong lòng lời dạy của Mẹ.

Nhìn các con của nàng trở thành những người hữu ích cho xã hội và cho gia đình, Huyền thầm tạ ơn Mẹ. Nếu Mẹ không khuyên nhủ Huyền, có thể, trong một lúc nông nổi nào đó, hoặc là Huyền đã chôi bỏ cuộc đời cho xong một kiếp trầm luân; hoặc là Huyền đã bỏ các con để tìm hạnh phúc riêng cho nàng thì liệu các con của nàng có được như ngày hôm nay hay không? Huyền nghĩ rằng không; bởi vì người mình có câu: *“Mồ côi cha ăn cơm với cá. Mồ côi mẹ lót lá mà nằm!”*

Nghe tin Mẹ bệnh, Huyền trở về quê thăm Mẹ. Mẹ già quắt queo. Mẹ nằm trên chiếc giường cũ, manh chiếu te tua, trong một căn nhà rất ẩm thấp, chật chội. Tài sản của Mẹ, Mẹ đã “hiên” cho nhà nước để “hắn” và anh em của “hắn” được ra tù. Nhưng Mẹ chờ đợi hoài vẫn không thấy nhà nước khoan hồng cho “hắn” và các con của Mẹ trở về.

Lúc hay tin tài sản của Mẹ bị nhà nước tước đoạt, các con của Huyền gửi tiền về giúp Mẹ mua sắm các vật dụng cần thiết cho căn nhà nhỏ bé này. Vì vậy, Huyền hỏi Mẹ chứ nệm đâu mà Mẹ nằm như vậy, đau lưng chịu sao nổi? Mẹ bảo: *“Mấy đứa hắn lấy rồi.”* Huyền hiểu, “mấy đứa” là con gái và con dâu của Mẹ. Huyền nhìn quanh căn phòng trống trơn, hỏi Mẹ chứ TV và tủ lạnh đâu? Mẹ cũng thân nhiên, cười, đáp: *“Mấy đứa hắn cần, hắn lấy rồi. Mẹ già, cần chi mấy thứ nó. Con nói mấy cháu đừng mua nữa, tốn tiền.”* Mẹ vỗ vỗ lên manh chiếu: *“Ngồi đây. Ngồi đây, Mẹ nói cái ni cho mà nghe.”* Huyền ngồi cạnh Mẹ. Huyền không dám nhìn thân hình gầy guộc của Mẹ cũng như Huyền không bao giờ dám nhìn thân hình tàn tạ của ông bà Dư. Huyền muốn cầm tay Mẹ, nhưng, cũng như đối với ông bà Dư, Huyền không dám cầm. Trong ý nghĩ của Huyền, ông bà Dư và Mẹ là những quý vật dễ vỡ. Nếu Huyền chạm vào, biết đâu quý vật ấy sẽ vỡ; và nếu vỡ thì không thể nào thay thế được. Vì vậy Huyền nhìn lơ chỗ khác. Mẹ tiếp: *“Khi trước, lúc Mẹ còn khỏe, Mẹ đi thăm hắn hoài; chừ Mẹ yếu, Mẹ ít đi. Khi mô gặp Mẹ hắn cũng hỏi thăm con với mấy đứa nhỏ. Nghe mấy đứa nhỏ học hành đỗ đạt hắn mừng lắm. Hắn nói hắn biết ngày trước hắn quá tệ bạc đối với mẹ con của con. Hắn ân hận nhiều lắm. Hắn chỉ mong được dịp để chuộc lại tội lỗi với con. Nghe tin con vẫn chưa... bước thêm bước nữa, hắn cảm động...”* Huyền thoáng giật mình. Huyền không lập lại cuộc đời vì lý do riêng của nàng chứ không phải nàng “ở vậy” để chờ “hắn” ra tù! Sự thật là như vậy, nhưng Huyền không nở và không dám nói cho Mẹ hay. Huyền vội hướng câu chuyện sang vấn đề sức khỏe của Mẹ rồi lấy từ trong xác mấy chai thuốc bỏ: *“Loại thuốc này rất tốt cho người lớn tuổi. Con biểu Mẹ vài chai, Mẹ dùng thử. Nếu Mẹ thấy công hiệu thì cho con biết, con sẽ gửi về thường xuyên”*. Mẹ cười. Miệng Mẹ móm. Nụ cười móm của Mẹ trông dễ thương không khác chi nụ cười móm của Ngoại, ngày trước.

Mấy hôm sau trở lại thăm Mẹ, vô tình Huyền cầm lọ thuốc bỏ đã khai, lắc nhẹ và cảm biết số lượng thuốc trong lọ tiêu hao nhiều hơn lời dặn. Tưởng Mẹ lạm dụng thuốc, Huyền vội hỏi. Mẹ bảo: *“Không. Không. Mỗi ngày Mẹ uống một viên và cho con chó một viên.”* Huyền tròn mắt nhìn chú chó ốm nhom, đang nằm khoanh dưới giường của Mẹ. Biết Huyền nghĩ gì, Mẹ bảo: *“Kệ nó, con. Hắn cũng là sinh vật như mình. Hắn ốm tong ốm teo, cho hắn uống kéo tội. Mẹ sống như ri*

là đầy đủ lắm rồi. Mẹ thấy nhiều người ngày xưa cũng giàu sang, quyền bính lắm, chứ không có cơm ăn, thành ra Trời Phật cho Mẹ như ri là Mẹ vui, Mẹ cảm ơn Trời Phật. Mẹ không xin điều chi nữa mô.” Người giúp việc cho Mẹ lại kể, với số tiền ít ỏi từ Mỹ gửi về hằng tháng, mỗi tuần Mẹ đổi ra tiền lẻ để phân phát cho những người ăn xin ngồi dọc theo hai bên bậc cấp trước chùa Vĩnh-Nghiêm.

Ôi, mấy mươi năm qua Huyền chỉ biết Mẹ như một người đàn bà khuê các, đẹp dịu dàng, xuất thân từ một gia đình khiêm cung; một người Mẹ hiền thực, lúc nào cũng hy sinh và tận tụy với chồng con; một người đã thay bà Dư để vỗ về, an ủi, giúp Huyền vượt qua đoạn đường đời đầy phong ba bão tố chứ Huyền không biết Mẹ còn có trái tim Bò-Tát.

Nhìn Mẹ già nua, Huyền liên tưởng đến hình dáng hom hem của bà Dư. Thấy rõ sự tàn tạ kinh khiếp của hai người đàn bà thân thiết trong đời, Huyền sợ; vì đó chính là tương lai gần của nàng!

Ôn lại đoạn đường đời đã qua của ông bà Dư, Mẹ và của Huyền, Huyền thấy cuộc đời này chẳng là gì cả. Những người hiền lành, đạo đức thường là nạn nhân của dòng đời chứ không hẳn là những người được ân sủng của Đất, Trời! Và Huyền cảm thấy không còn thiết tha với bất cứ điều gì trên cõi đời này nữa, kể cả sự sống. Vậy mà khi bác sĩ cho Huyền biết sự nghi ngờ của Ông về lần thí nghiệm vừa qua của nàng thì Huyền lại sợ bệnh và sợ chết!

Trong thời gian chờ đợi nhiều cuộc thí nghiệm liên tiếp, Huyền thường nghĩ đến lời khuyên của Mẹ và Huyền cũng nhớ lại câu ông Dư thường dạy nàng: *“Sống là để đối phó với hiện thực chứ sống không phải để lo âu cho những gì chưa đến.”* Rồi Huyền lại nhớ lời nói của tài tử Suzanne Somers khi cô biết cô bị chứng bệnh nan y: *“Tiền tài và danh vọng đều là ngu xuẩn. Tôi chỉ muốn được sống thôi.”* Huyền không có tiền, tài và danh vọng, nhưng Huyền cũng chỉ muốn được sống thôi, dù sống cũng chỉ để chịu đựng sự hủy diệt của thời gian.

Dòng ý tưởng của Huyền vừa đến đây, nàng chợt nghe tiếng “kịch” khô khan. Rồi ánh sáng lùa vào từ dưới chân nàng.

Sau khi Huyền thay chiếc áo của phòng điện tuyến xong, cô nhân viên điện tuyến hỏi:

- Có ai đưa bà đến đây hay không?

- Có. Con gái tôi.

Cô chuyên viên điện tuyến vừa trao áo lạnh cho Huyền vừa làm bầm:

- Vậy thì tốt. Thời tiết bên ngoài tệ lắm. Tôi ghét mùa Đông ở xứ này.

Huyền chợt nhớ đến lời cầu xin của gia đình nhỏ Áng-Vân ngày xưa rồi trầm nghĩ: “*Xin Trời Phật cho con từng ngày. Con sẽ không ghét bất cứ một ngày nào của Trời Đất. Con chỉ xin mỗi sáng thức giấc, lái xe đến sở làm, chiều lái về bình an...*” Vừa khi đó cô con gái của Huyền lấp ló bên ngoài khung cửa kính, đưa mấy ngón tay vẫy Huyền rồi cười. Huyền cũng cười và tiếp nối ý nghĩ vừa bị cắt ngang: “*...và cuối tuần cho con được thấy những khuôn mặt thân yêu, như khuôn mặt bên kia khung cửa kính, là con vui và con biết ơn Trời Phật, biết ơn đời.*”

Sau khi chọn cho mình thái độ sống, Huyền mỉm cười một mình và lòng cảm thấy thanh thản lạ thường. Sự thanh thản và bình an trong hồn dường như toát ra trên gương mặt cho nên cô ý tá nhìn Huyền, vừa mở cửa phòng cho con gái của nàng bước vào vừa nói:

- Bà trông an bình, tự tại, hoàn toàn khác hẳn với thái độ ủ rũ, âu lo lúc bà mới đến đây. Thật là tuyệt diệu.

Huyền cười, nửa đùa nửa thật, hỏi:

- Cô biết tôi nghĩ gì khi trời lạnh và mưa xối xả như thế này không?

Cả cô ý tá và con gái của Huyền đều lắc đầu, cười, chờ đợi. Huyền bảo:

- Tôi nghĩ đến ca khúc Have You Ever Seen The Rain? và giọng ca khàn khàn của Rod Stuart.

Cả ba người lại cười. Giọng cô ý tá có vẻ cảm động:

- Tôi ước gì tất cả bệnh nhân đến đây đều có thái độ và ý tưởng lạc quan như bà.

Huyền và cô con gái cười, chào tạm biệt cô ý tá.

Trong khi cô con gái của Huyền mở dù ra, Huyền cố nghĩ xem bản Have You Ever Seen The Rain bắt đầu như thế nào.

Che chung một cái dù với cô con gái, Huyền vừa chạy lúp xúp trong mưa đã ra bãi đậu xe vừa nghe ngao: “*...I want to know, have you ever seen the rain comin’ down on a sunny day? Yesterday, and days before, sun is cold and rain is hard...*” Nghe tiếng hát và thấy thái độ của Huyền hoàn toàn khác hẳn với dáng vẻ ủ rũ, lo sợ lúc đưa Huyền đến đây, cô con gái tròn mắt nhìn Huyền. Huyền nhìn con, cười, đầu vẫn gật nhẹ theo tiếng hát. Vừa tiếp tục hát nghe ngao Huyền vừa quay lui nhìn lại phòng điện tuyến. Chính lúc đó Huyền mới nhận biết được rằng, quả thật, nàng đã bỏ quên mối lo âu trong lòng MRI scanner.

ĐIỆP-MỸ-LINH